

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 76 /2021/HS-ST

Ngày: 17/8/2021.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Nguyễn Hữu Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Kỹ.

2. Ông Diêm Trọng Khoa.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh BN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BN tham gia phiên tòa:

Bà Dương Thị Mai Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh BN xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 32/2021/TLST-HS ngày 14 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 128/2021/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 7 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Ngọc H**, sinh năm: 1974 tại B; nơi ĐKKHKT: thôn Can V, xã Việt H, huyện Q, tỉnh BN; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Kh (đã chết) và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1940; có vợ là Nguyễn Thị L, sinh năm 1979 và 02 con, lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/12/2020; hiện tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh BN; có mặt.

** Người bào chữa cho bị cáo H do gia đình bị cáo mời:* Ông Vy Văn Minh – Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH VIETNEW – Đoàn luật sư thành phố H; có mặt.

** Bị hại:* Bà Nguyễn Minh H, sinh năm 1966; trú tại: Phòng 117, nhà A7 khu tập thể Trại G, phường Thanh N, quận H, thành phố H. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Nguyễn Thị L, sinh năm 1979; trú tại: thôn Can V, xã Việt H, huyện Q, tỉnh BN; có mặt.

2. Nguyễn Thị Th, sinh năm 1978; trú tại: thôn Thành D, xã Đào V, huyện Q, tỉnh BN; vắng mặt.

3. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1971; trú tại: Công C, Đồng N, Y, B; có mặt.

** Người làm chứng:*

1. Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1954; trú tại: thôn Hà L, xã Phương L, huyện Q, tỉnh BN; có mặt.

2. Chị Nguyễn Thị Huyền T, sinh năm 1985; trú tại: thôn Hà L, xã Phương L, huyện Q, tỉnh BN; có mặt.

3. Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1975; trú tại: thôn Thành D, xã Đào V, huyện Q, tỉnh BN; vắng mặt.

4. Anh Nghiêm Đình H, sinh năm 1971; trú tại: thôn An T, xã Yên P, huyện Y, tỉnh BN; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung được tóm tắt như sau:

Do nhu cầu cần vốn để kinh doanh, đầu tháng 12/2011, Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1974 cùng vợ là Nguyễn Thị L, sinh năm 1979, trú tại thôn Can V, xã Việt H, huyện Q, tỉnh BN (gọi tắt là vợ chồng L- H) bàn nhau mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ đỏ) của gia đình bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1954 (con gái Nguyễn Thị Huyền T, sinh năm 1985) trú tại thôn Hà L, xã Phương L, huyện Q và sổ đỏ của gia đình Nguyễn Thị Th, sinh năm 1978, chồng là Nguyễn Văn D, sinh năm 1975, trú tại thôn Thành D, xã Đào V, huyện Q (gọi tắt là vợ chồng Thu- Dừng) để thế chấp vay tiền. Do tin tưởng vợ chồng L - H nên những người này đã đồng ý. Sau đó vợ chồng L - H đến gặp anh Nghiêm Đình H, sinh năm 1971, có vợ là chị Đặng Thị Hải, sinh năm 1975, trú tại thôn An T, xã Yên P, huyện Y, tỉnh BN (gọi tắt là vợ chồng H - Hải) hỏi vay 01 tỷ đồng để mua ô tô làm xe taxi. Do anh H không có tiền nên sau đó đã điện thoại cho bà Nguyễn Minh H, sinh năm 1966 có chồng là Phan Đức Sơn, sinh năm 1963, trú tại số 117, nhà A7, tập thể Trại G, phường Thanh N, quận H, thành phố H (gọi tắt là vợ chồng Huệ - Sơn) nói có vợ chồng người bạn tên L - H muốn vay 01 tỷ đồng để mua ô tô, lãi suất do hai bên thỏa thuận, khi vay có thể chấp sổ đỏ của người thân, bà Huệ đồng ý NH với điều kiện phải về xem nhà đất thế chấp trước khi xuất tiền cho vay.

Do thấy đất nhà Thu - Dừng ở vị trí sâu trong thôn Thành D, là đất đồi có diện tích 833m², tài sản trên đất là ngôi nhà ngói 01 tầng cũ giá trị thấp nên vợ chồng L - H đã nhờ Thu liên hệ với chị Nguyễn Thị Nguyệt, sinh năm 1975, ở

cùng thôn với Thu để mượn nhà đất của chị Nguyệt là căn nhà 02 tầng mới xây, diện tích đất 800m², giả là nhà đất của Thu cho bà Huệ xem, vì vị trí đất nhà chị Nguyệt đẹp, ở ngay mặt đường to sẽ vay được nhiều tiền hơn. Thu đồng ý, sau đó cùng với L đến nhà chị Nguyệt hỏi mượn nhà để L và Thu dẫn khách vào thăm nhà chị Nguyệt.

Ngày 18/12/2011, vợ chồng bà Huệ - Sơn; vợ chồng anh H- Hải về gặp vợ chồng L - H để đi xem nhà đất, được vợ chồng L - H dẫn đến nhà bà Xô và nhà Thu - Dừng. Sau khi trực tiếp xem nhà đất, bà Huệ thấy nhà bà Xô là nhà 02 tầng, đất rộng 155m². Còn đối với nhà đất nhà Thu - Dừng, vợ chồng L - H và Thu đã dẫn vợ chồng bà Huệ - Sơn, và vợ chồng anh H - Hải đến xem nhà của chị Nguyệt và nói đó là nhà Thu - Dừng như đã bàn bạc từ trước. Sau khi xem nhà đất bà Huệ thấy là nhà 02 tầng, đất rộng 800m² ở ngay đầu thôn mặt đường to nên bà Huệ đã đồng ý cho vợ chồng L- H vay 01 tỷ, lãi suất theo thỏa thuận, thời hạn 6 tháng, trong đó đất nhà bà Xô cho vay 200.000.000đ còn đất nhà Thu - Dừng cho vay 800.000.000đ. Tuy nhiên khi cho vay tiền hai bên phải thực hiện việc làm hợp đồng chuyển nhượng nhà đất trước, nếu trong thời hạn 6 tháng vợ chồng L - H không trả tiền gốc và lãi thì sẽ sang tên nhà đất cho vợ chồng bà Huệ - Sơn. Khi nào vợ chồng L - H trả đủ số tiền đã vay và lãi thì sẽ làm hợp đồng chuyển nhượng lại cho bà Xô và vợ chồng Thu - Dừng. Sau đó, ngày 19/12/2011, tại nhà của chị Bùi Hương Giang, sinh năm 1968, ở Khu tập thể Học viện chính trị, phường Vệ An, thành phố BN là cán bộ công chứng thuộc Phòng công chứng Hoàng Phong, huyện Yên phong, tỉnh BN có mặt vợ chồng bà Huệ - Sơn, vợ chồng anh H - Hải, vợ chồng L - H, vợ chồng Thu - Dừng và bà Xô, chị Trang chứng kiến việc bà Xô cùng chị Trang, vợ chồng Thu - Dừng ký kết hợp đồng chuyển nhượng đất và tài sản trên đất sang cho vợ chồng bà Huệ - Sơn NH bỏ trống phần ngày, tháng, năm trong hợp đồng. Khi làm xong hợp đồng chuyển nhượng, các bên tiếp tục làm hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng mảnh đất của bà Xô với trị giá 01 tỷ để nhằm khẳng định việc bà Huệ cho vay 01 tỷ là có thật. Tại đây, bà Huệ có nói rõ cho tất cả những người có mặt tại nhà chị Giang hôm đó biết, nếu sau 6 tháng kể từ ngày hôm nay vợ chồng L - H không trả được tiền thì chị sẽ làm thủ tục sang tên các sổ đỏ đã thế chấp của bà Xô và của vợ chồng Thu - Dừng. Sau khi làm thủ tục xong bà Huệ đưa cho anh Nghiêm Đình H 850.000.000đ để giao cho vợ chồng L - H và ngày 20/11/2011 bà Huệ đưa tiếp 150.000.000đ và anh Nghiêm Đình H đã chuyển cho L nốt số tiền này.

Sau khi vay được tiền, vợ chồng L - H đã trả được 03 tháng tiền lãi là 210.000.000đ. Sau khi trả lãi đợt 3, Nguyễn Ngọc H đã gọi điện cho anh

Nghiêm Đình H nhờ anh H mượn lại sổ đỏ nhà bà Xô nói là mang về để kê khai nhà đất và hứa một tuần sau sẽ trả lại. Tin lời Nguyễn Ngọc H, anh Nghiêm Đình H đã ra H mượn lại chị Huệ sổ đỏ nhà bà Xô đưa cho Ngọc H. Ngày 20/3/2012, anh Nghiêm Đình H đưa sổ đỏ và yêu cầu Nguyễn Ngọc H viết giấy mượn có nội dung “Tôi Nguyễn Ngọc H...ngày 20/3/2012 có mượn của anh Nghiêm Đình H ở Yên Phong - BN một sổ đỏ tên Nguyễn Thị X, ở Hà L - Phương L - Quế Võ và hẹn 01 tuần sau sẽ trả lại”.

Sau khi mượn được sổ đỏ vợ chồng L - H đã đến gặp bà Xô tiếp tục nhờ để vay tiền, khi bà Xô hỏi “Đã trả được tiền chỗ kia chưa mà vay tiền chỗ khác” thì H nói dối bảo “Em vay được chỗ này rẻ hơn chỗ trước. Chỗ kia em trả rồi, nên người ta trả sổ đỏ”, bà Xô tin là thật nên đã đồng ý. Sau đó, vợ chồng L - H dẫn bà Nguyễn Thị Duyên, sinh năm 1959, ở Tân Mai - Đa Mai – thành phố B xuống xem nhà đất của bà Xô và bà Duyên đã đồng ý cho vợ chồng L - H vay 400.000.000đ với điều kiện phải làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất sang cho bà Duyên, khi nào trả hết nợ thì bà Duyên sẽ làm thủ tục chuyển lại cho bà Xô, các bên đồng ý. Ngày 29/5/2012, tại Văn phòng Công chứng A7, Khu 1, thị trấn Phố Mới, huyện Quế Võ, tỉnh BN, mẹ con bà Xô cùng bà Duyên đã làm hợp đồng chuyển nhượng nhà đất số 0768/2012, sang tên cho bà Duyên. Sau đó bà Duyên đã đưa đủ 400.000.000đ cho vợ chồng L - H. Hiện tại mảnh đất của bà Xô đang mang tên bà Nguyễn Thị Duyên.

Còn đối với bà Huệ, sau khi cho Nguyễn Ngọc H mượn lại sổ đỏ mang tên bà Xô thì không thấy trả lại và cũng không trả tiền gốc lãi khoản vay, bà Huệ đã về Quế Võ - BN tìm hiểu và phát hiện vợ chồng L - H đã bán mảnh đất mang tên bà Xô cho bà Duyên, đồng thời biết nhà đất nhà Thu - Dừng đã thế chấp không phải là nhà đất mà vợ chồng L - H và Thu chỉ trước đó. Khi quá hạn không thấy vợ chồng L - H trả tiền nên bà Huệ đã làm thủ tục sang tên mảnh đất của nhà Thu - Dừng.

Tại bản kết luận định giá số: 352 ngày 24/5/2012 và số: 120 ngày 21/2/2014 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự - UBND tỉnh BN kết luận:

Thửa đất của vợ chồng Thu - Dừng được sang tên cho chị Huệ là “thửa đất số 08, tờ bản đồ số 18 thôn Thành D, xã Đào V, huyện Q” có giá trị tại thời điểm năm 2011 là 214.914.000đ và tài sản trên đất gồm nhà, công trình phụ cùng với cây cối trị giá là 51.400.000đ. Tổng trị giá là 265.315.000đ.

Tại bản kết luận định giá số: 278 ngày 22/4/2012 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự - UBND tỉnh BN kết luận:

Thửa đất và tài sản trên đất của gia đình bà Nguyễn Thị X được thế chấp cho vợ chồng chị Huệ là “thửa đất số 01, tờ bản đồ thôn Hà L, xã Phương L, huyện Q, có diện tích 155,8m² có giá trị tại thời điểm tháng 12/2011 là 553.231.290đ.

Sau khi sự việc xảy ra, Nguyễn Ngọc H đã bỏ trốn khỏi địa phương, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh BN đã quyết định khởi tố bị can và ra Lệnh truy nã đối với H về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Do chưa bắt được H nên ngày 22/5/2013 đã ra Quyết định tách vụ án hình sự, hết thời hạn đã ra quyết định tạm đình chỉ điều tra đối với H.

Ngày 07/7/2014, Tòa án nhân dân tỉnh BN đã tiến hành xét xử sơ thẩm; Ngày 23/4/2015, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại H xét xử phúc thẩm. Tại Bản án Phúc thẩm số: 160/HSPT tuyên phạt Nguyễn Thị L 07 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo quy định tại điểm a, khoản 3 Điều 139 BLHS năm 1999 và phạt 02 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm d, khoản 2 Điều 140 BLHS năm 1999; phạt Nguyễn Thị Th 03 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” NH cho hưởng án treo.

Đối với bị can Nguyễn Ngọc H sau khi bỏ trốn khỏi địa phương đã đến huyện Long Điền ở, đến ngày 18/12/2020, bị Đội truy nã Phòng CSHS Công an tỉnh BN bắt tại địa phận thị trấn Long Hải, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Cùng ngày cơ quan CSĐT Công an tỉnh BN đã ra quyết định phục hồi điều tra vụ án, phục hồi điều tra bị can đối với H.

Tại Cáo trạng số: 38/CT-VKS-P1 ngày 13/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BN truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự 2015 và “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Ngọc H khai: Việc bị cáo và vợ là Nguyễn Thị L thực hiện hành vi Lừa đảo và Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của bà Nguyễn Minh H như cáo trạng quy kết là đúng. Tuy nhiên, bị cáo chỉ là người giúp sức cho vợ là Nguyễn Thị L và toàn bộ số tiền vay được L là người sử dụng. Bị cáo cũng đã tác động về gia đình để bồi thường cho chị Huệ và tại phiên tòa hôm nay bị cáo biết gia đình đã bồi thường được cho chị Huệ 20 triệu đồng. Bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại là bà Nguyễn Minh H vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bà Huệ có đơn xác nhận đến nay người nhà bị cáo Nguyễn Ngọc H đã trả cho bà được 20.000.000đ và bà đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị L trình bày: Để có tiền trả cho những người chị L đã vay trước, cuối năm 2011 chị có bảo chồng chị là Nguyễn Ngọc H mượn sổ đỏ của chị Thu và bà Xô để vay tiền của chị Huệ là 1 tỷ đồng, việc nhận tiền và sử dụng tiền là do chị nhận và sử dụng để trả nợ cho mọi người. Việc trước đây chị khai với cơ quan điều tra và với Tòa án bị cáo H là người lên kế hoạch, còn chị làm theo, tiền là do anh H sử dụng là vì khi đó anh H bỏ trốn, chị phải nuôi con nhỏ, mẹ già nên muốn được nhẹ tội để sớm được về chăm sóc gia đình nên mới khai vậy, còn thực chất chị mới là người bảo anh H đi mượn sổ đỏ để vay tiền và toàn bộ số tiền vay được của chị Huệ, chị sử dụng để trả nợ cho mọi người và cho người khác vay, mong HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H.

Chị Nguyễn Thị H là chị gái của bị cáo H trình bày chị đã bồi thường, khắc phục trả cho chị Huệ 20 triệu đồng, chị không yêu cầu H phải trả lại cho chị số tiền này và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho H.

Bà Nguyễn Thị X và chị Nguyễn Thị Huyền T trình bày: Việc cho H mượn sổ đỏ để H vay tiền bà Huệ là hoàn toàn tự nguyện và không được hưởng lợi gì. Tuy nhiên, nay sổ đỏ của bà đang đứng tên chị Duyên nên bà đề nghị xem xét hợp đồng chuyển nhượng đất giữa bà và chị Duyên là vô hiệu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BN thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu luận tội giữ nguyên Cáo trạng truy tố. Sau khi phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, vai trò đồng phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, đã đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 55; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc H từ 7 đến 8 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; Từ 2 đến 3 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là từ 9 đến 11 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 18/12/2020.

Về hình phạt bổ sung: đề nghị miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo H.

Về trách nhiệm dân sự không xem xét giải quyết.

Bào chữa cho bị cáo H, Luật sư Vy Văn Minh trình bày: Về tội danh và khung hình phạt nhất trí như cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Tuy nhiên, đề nghị HĐXX xem xét đến động cơ, mục đích và vai trò của bị cáo H cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Tại phiên tòa hôm nay, chị

L xác nhận, số tiền vợ chồng chị L vay của bà Huệ là do L quản lý và sử dụng, do đó vai trò của L phải cao hơn bị cáo H trong vụ án này. Hoàn cảnh gia đình bị cáo hiện nay rất khó khăn, bị cáo vay tiền cũng chỉ có mục đích để làm ăn, đề nghị HĐXX áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị và cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

Bị cáo H nhất trí với lời bào chữa của Luật sư, không bổ sung ý kiến gì thêm.

Đổi đáp với ý kiến của luật sư, đại diện Viện kiểm sát khẳng định trong vụ án này vai trò của H là cao hơn của L như bản án phúc thẩm số 160/2015/HSPT ngày 23/4/2015 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại H đã xác định. Do vậy, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm như đã luận tội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tội danh: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác, do vậy có đủ cơ sở kết luận: Do cần vốn kinh doanh, Nguyễn Ngọc H cùng vợ là Nguyễn Thị L đã bàn nhau nhờ người thân là bà Nguyễn Thị X và vợ chồng Nguyễn Thị Th, Nguyễn Văn D đứng ra dùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Xô ở thôn Hà L, xã Phương L, huyện Q và vợ chồng anh Dũng - Thu ở thôn Thành D, xã Đào V, huyện Q để thế chấp vay tiền. Ngày 19/12/2011, vợ chồng L - H đã làm thủ tục vay của vợ chồng bà Nguyễn Minh H (vợ chồng Huệ - Sơn) 01 tỷ đồng dưới hình thức ký hợp đồng chuyển nhượng nhà, đất cùng tài sản trên đất của 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Xô và vợ chồng Thu - Dũng nêu trên, theo đó mảnh đất của nhà bà Xô, bà Huệ cho vay 200.000.000đ, mảnh đất nhà Thu - Dũng được bà Huệ cho vay 800.000.000đ, trong đó:

- Vợ chồng Nguyễn Ngọc H, Nguyễn Thị L và Nguyễn Thị Th đã có hành vi gian dối từ trước đối với bà Nguyễn Minh H về tài sản thế chấp bằng việc đưa bà Huệ đến xem nhà của chị Nguyễn Thị Nguyệt ở cùng thôn với Thu có diện tích đất tương đương với đất của nhà Thu nH ở vị trí đẹp hơn, có giá trị hơn đất nhà Thu và nói dối đó là nhà, đất của Thu để bà Huệ tin là thật và quyết định cho vợ chồng L - H vay 800.000.000đ. Sau đó vợ chồng L - H không trả nợ nên bà Huệ đã làm thủ tục sang tên mảnh đất này. Như vậy, Nguyễn Ngọc H, Nguyễn Thị L đã chiếm đoạt số tiền 429.685.000đ (800.000.000đ -

105.000.000đ (tiền L – H đã trả) - 265.315.000đ (tiền giá trị thực tế Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền của Thu)) của bà Huệ.

- Vợ chồng Nguyễn Ngọc H, Nguyễn Thị L đã có hành vi nhờ bà Nguyễn Thị X thế chấp mảnh đất của gia đình bà Xô để vay bà Nguyễn Minh H số tiền 200.000.000đ, sau đó lấy lý do mượn lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này và tiếp tục nhờ bà Nguyễn Thị X thế chấp vay tiền của bà Nguyễn Thị Duyên. Vợ chồng L - H không trả tiền nên bà Duyên đã làm thủ tục sang tên mảnh đất này. Như vậy, Nguyễn Ngọc H, Nguyễn Thị L đã chiếm đoạt số tiền 95.000.000đ (200.000.000đ - 105.000.000đ(tiền L – H đã trả)) của bà Huệ.

Bị cáo thực hiện tội phạm vào năm 2011, trước ngày Bộ luật hình sự năm 2015 có hiệu lực thi hành (ngày 01/01/2018). Tuy nhiên, quy định tại Điều 175 BLHS 2015 có khung hình phạt cao nhất đến 20 năm tù, còn quy định tại Điều 140 BLHS năm 1999 có khung hình phạt cao nhất đến tù chung thân, do đó áp dụng có lợi cho bị cáo đối với tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” cần áp dụng quy định tại Điều 175 BLHS năm 2015 để xét xử như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

Vì vậy, có đủ căn cứ để xét xử bị cáo Nguyễn Ngọc H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu của cá nhân được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trị an tại địa phương. Hành vi đó phải bị xử lý nghiêm để có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[2]. Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, vai trò đồng phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo H, HĐXX nhận thấy:

Mặc dù, tại phiên tòa hôm nay bị cáo chỉ thừa nhận giúp sức cho vợ là Nguyễn Thị L trong việc chiếm đoạt tài sản của bà Huệ, tuy nhiên căn cứ vào lời khai trước đây của bị cáo, lời khai của bị hại, người liên quan, người làm chứng thì thấy suốt quá trình thực hiện tội phạm H - L đều bàn bạc, cùng nhau thực hiện, hơn nữa bản án phúc thẩm số 160/2015/HSPT ngày 23/4/2015 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại H đã xác định vai trò của H trong vụ án này là cao hơn của L, bản án này hiện nay vẫn đang có hiệu lực. Do vậy, cần xác định H có vai trò cao hơn L như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ thì thấy: Về tình tiết tăng nặng: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đều thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động gia đình bị cáo bồi thường khắc phục trả cho bà Nguyễn Minh H 20.000.000đ được bà Huệ xác nhận và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Tại phiên toà hôm nay, bị cáo trình bày mẹ đẻ bị cáo là bà Nguyễn Thị H được tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng nhì. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, cần xem xét áp dụng khi lượng hình.

HĐXX xét thấy, bị cáo đồng thời một lúc phạm 02 tội, vì vậy cần có hình phạt cách ly bị cáo ngoài xã hội một thời gian nhất định để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người lương thiện, có ích cho xã hội

Do bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[3]. Về trách nhiệm dân sự: Đã được xem xét tại bản án hình sự phúc thẩm số: 160/2015/HSPT ngày 23/4/2015 của Tòa phúc thẩm tại H – TAND Tối cao nên HĐXX không xem xét.

Đối với việc bà Xô, chị Trang; vợ chồng Thu – Dùng yêu cầu bà Huệ và bà Duyên trả lại đất. Xét thấy đây là thỏa thuận dân sự giữa các bên nên HĐXX không xem xét. Bà Xô, chị Trang, vợ chồng Thu - Dùng có quyền khởi kiện vụ án dân sự khác nếu có yêu cầu.

[4]. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Ngọc H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 55; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc H 7 (bảy) năm 6 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; 2 (hai) năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 9 (chín) năm 6 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt, tạm giữ, tạm giam 18/12/2020.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự: Quyết định tạm giam bị cáo Nguyễn Ngọc H 45 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để đảm bảo việc thi hành án.

2. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Ngọc H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- VKSND Cấp cao;
- VKSND tỉnh BN;
- CQCSĐT Công an tỉnh BN;
- Phòng PC 10 Công an tỉnh BN;
- Trại Tạm giam Công an tỉnh BN;
- Cục THADS tỉnh BN;
- Bị cáo; người bào chữa; bị hại; đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Hòa